

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HS - ST

Ngày: 30 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Đầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2021/TLST - HS, ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2021/QĐXXST – HS, ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Trần Hoàng L, sinh năm 1985 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp Làm ruộng; trình độ học vấn lớp 11/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Phi A, sinh năm 1943 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1947; anh chị em ruột: có 06 người (lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1986); vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; con có 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 25/3/2021 cho đến nay.

Bị cáo thứ hai: Nguyễn Thành D, sinh năm 1985 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn lớp 9/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Đồng Thị L, sinh năm 1958; Vợ Huỳnh Thị T, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (đã ly hôn); con có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 25/3/2021 cho đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành D: Bà Thạch Thị Quát T – Là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo thứ ba: Hồ Văn M1, sinh năm 1978 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn lớp 3/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hồ Văn N, sinh năm 1931 và bà Lưu Thị L, sinh năm 1926; Anh chị em ruột: 12 người, lớn sinh năm 1952, nhỏ sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 25/3/2021 cho đến nay.

Bị cáo thứ tư: Hồ Văn M2, sinh năm 1967 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ học vấn lớp 7/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hồ Văn N, sinh năm 1931 và bà Lưu Thị L, sinh năm 1926; Anh chị em ruột: 12 người, lớn sinh năm 1952, nhỏ sinh năm 1978; vợ Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977, con có 03 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/5/2021 cho đến nay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1983 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt, do bỏ địa phương cư trú)
Đồng nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh.
3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
4. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1972 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Đồng nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh.
5. Ông Võ Văn T, sinh năm 1982 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Ngô Thị A, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1987 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
2. Ông Lê Văn G, sinh năm 1973 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Đồng nơi cư trú: ấp B, T, huyện L, tỉnh Trà Vinh.
3. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1967 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 20/12/2020, bị cáo Hồ Văn M1, muốn tìm người đá gà thắng thua bằng tiền nhưng bị cáo M1 không biết tại địa phương có người nào tổ chức đá gà, nên bị cáo đến nhà bị cáo Hồ Văn M2. Tại đây, bị cáo M1 gặp và hỏi

bị cáo M2 tại địa phương có người nào tổ chức đá gà không, thì bị cáo M2 cho biết có bị cáo Trần Hoàng L là người tổ chức đá gà, bị cáo M1 nói với bị cáo M2 tìm gặp bị cáo L cấp đá con gà trọng lượng khoảng 2,5 kilogam, số tiền cá cược là 5.600.000 đồng (đá tiền xỏ 600.000 đồng, đá tiền giao hữu 5.000.000 đồng), bị cáo M2 đồng ý và nói khi nào gặp bị cáo L sẽ cấp chận gà rồi cho bị cáo M1 biết. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo M2 điều khiển xe mô tô đến quán nước giải khát của T và gặp bị cáo L, khi gặp bị cáo L hỏi bị cáo M2 có gà đá không, bị cáo M2 cho biết có gà đá, bị cáo L hỏi đá chơi hay đá có tiền, bị cáo M2 trả lời đá có tiền, đá tiền xỏ 600.000 đồng và tiền giao hữu 5.000.000 đồng mới chơi, bị cáo L đồng ý và cho số điện thoại di động của mình cho bị cáo M2 là 0352xxxxxx. Bị cáo M2 về nhà nói với bị cáo M1 đã gặp bị cáo L và cấp chận gà và số tiền cá cược 5.600.000 đồng như bị cáo M1 yêu cầu. Sau đó bị cáo M1 cân hai con gà trống nòi và cho bị cáo M2 biết trọng lượng của hai con gà lần lượt là 2,5 kilogam và 2,6 kilogam, bị cáo M2 sử dụng số di động 0989xxxxxx gọi cho bị cáo L cho biết trọng lượng của hai con gà. Bị cáo L nói khi nào tìm được người có chận gà đá sẽ gọi lại và nói thời gian, địa điểm chơi đá gà. Bị cáo L điện thoại gọi đến số di động 0939 xxxxxx của Lê Văn T nói với T tìm con gà trọng lượng 2,5 kilogam để bị cáo L tổ chức đá gà thắng thua bằng tiền, T đồng ý tìm gà cho bị cáo L, T gọi điện thoại đến số di động 0963 xxxxxx của bị cáo Nguyễn Thành D cấp chận đá gà và hẹn bị cáo D khoảng 10 giờ cùng ngày mang con gà đến sân đá gà tại ấp T, xã B thì bị cáo D đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại cho bị cáo L biết đã tìm được người chơi và có chận đá gà. Bị cáo L hỏi T chỉ sân để tổ chức đá gà, T chỉ cho bị cáo L sân đá gà ở phía sau vườn rau nhút thuộc ấp T, xã B. Lúc này bị cáo L điều khiển xe mô tô đến địa điểm sân gà mà T chỉ, nhưng sân bị ngập nước không thể tổ chức đá gà được, bị cáo L gọi điện thoại cho T, thì T kêu bị cáo L đứng đợi khoảng 10 phút, T điều khiển xe mô tô đến dẫn bị cáo L vào sân đình cũ cách sân bị ngập nước khoảng 50 mét (khu đất do nhà nước quản lý). Tại đây bị cáo L quét dọn sân cùng với Lê Văn G để tổ chức đá gà, sau đó bị cáo L gọi điện hẹn bị cáo M2 mang con gà đến sân đá gà. Sau khi bị cáo M2 được bị cáo L cho biết thời gian, địa điểm đá gà thì nói cho bị cáo M1 và bị cáo M1 bắt hai con gà bỏ vào hai giỏ xách đem đưa cho bị cáo M2 chở một giỏ. Do bị cáo M1 không biết địa điểm đá gà nên bị cáo M2 điều khiển xe mô tô dẫn đường đi đến sân đá gà. Tại sân đá gà, bị cáo M2 giao giỏ xách đựng con gà cho bị cáo M1, lúc này bị cáo D đi đến khu vực ấp T, xã B nhưng không biết đường vào sân đá gà, nên gọi điện thoại cho T, nên T chạy xe mô tô đến dẫn bị cáo D vào sân đá gà. Tại sân gà bị cáo D gặp bị cáo L và bị cáo M1, sau đó bị cáo L kêu bị cáo M1 và bị cáo D cân gà. Bị cáo M1 cân con gà trống nòi lông màu vàng, bị cáo D cân con gà trống nòi lông màu trắng, hai con

gà có cùng trọng lượng là 2,5 kilogam, nên hai bị cáo M1 và D thống nhất đá 04 cựa đồng bằng kim loại, tỷ lệ thắng thua là 1:1, bị cáo L đưa cho bị cáo M1 02 cuộn băng keo, bị cáo D 03 cuộn băng keo để quấn cựa bằng kim loại vào chân con gà (cựa gà do bị cáo M1 và bị cáo D mang theo). Hai bị cáo D và M1 tự ôm gà, quấn cựa đem ra sân, lúc này bị cáo L cấp số tiền xỏ là 600.000 đồng, tiền giao hữu là 5.000.000 đồng, hai bị cáo M1 và D đồng ý, sau đó bị cáo D nâng số tiền giao hữu lên 15.000.000 đồng tỷ lệ thắng thua là 1:1 thì bị cáo M1 đồng ý, tiếp đó bị cáo D cược thêm số tiền giao hữu 5.000.000 đồng, với tỷ lệ thắng thua 10 ăn 8 (nghĩa là gà của bị cáo D chấp con gà của bị cáo M1), bị cáo M1 cũng đồng ý cược. Bị cáo L tổng kết số tiền cá cược trận gà này cụ thể: bên gà của bị cáo D là 20.600.000 đồng, số tiền cược của gà bị cáo M1 là 19.600.000 đồng, (bị cáo L tổ chức đá gà hình thức thắng thua bằng tiền để thu tiền hoa hồng trong trận gà và quy định trận gà bên thắng bị cáo L thu 100.000 đồng tiền sổ, thu 50.000đồng/ 1.000.000 đồng tiền cá cược giao hữu). Sau khi tổng kết số tiền bị cáo L làm trọng tài cho bị cáo D và bị cáo M1 thả gà đá với nhau, trận gà chưa phân thắng thua thì Công an xã B, huyện L đến kiểm tra, thì các bị cáo phát hiện bỏ chạy nên bị cáo L chưa thu được tiền hoa hồng.

Tại bản cáo trạng số: 47/CT -VKSC/L, ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Trần Hoàng L về tội “Tổ chức đánh bạc” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các bị cáo Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2 về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, Trần Hoàng L, Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2 hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện L, và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Vào khoảng 10 giờ 10 phút, ngày 20/12/2020 tại khu đất do nhà nước quản lý thuộc ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh bị cáo Trần Hoàng L tổ chức đá gà ăn thua bằng tiền, bị cáo L hẹn chặn gà với nhau và làm trọng tài, cung cấp băng keo, cân, chọn địa điểm (sân) để thu tiền hoa hồng. Một trận gà bên nào thắng L thu 100.000 đồng tiền sổ, thu tiền giao hữu 50.000đồng/ 1.000.000 đồng, trận gà chưa phân biệt thắng thua do bị Công an xã B bắt quả tang, nên bị cáo L chưa thu tiền huê hồng. Bị cáo L tổ chức đánh bạc cho bị cáo Hồ Văn M1 và bị cáo Nguyễn Thành D tham gia đánh bạc (đá gà) với tổng số tiền cá cược 41.200.000 đồng (trong này 15.000.000 đồng tỷ lệ thắng thua là 1:1 và 5.000.000 đồng với tỷ lệ thắng thua 10 ăn 8). Đối với bị cáo Hồ Văn M1 có vai trò đồng phạm giúp sức cho

bị cáo M2 như: hện chạn gà với bị cáo L và dẫn bị cáo M1 đến sân đá gà và biết rõ việc đá gà ăn thua bằng tiền với số tiền đá sỏ là 600.000 đồng và số tiền đá giao hữu là 5.000.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hoàng L từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù; Căn cứ khoản 3 Điều 322 xử phạt bổ sung bị cáo L từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị Nguyễn Thành D từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù; Căn cứ khoản 3 Điều 321 xử phạt bổ sung bị cáo D từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Văn M1 từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù; Căn cứ khoản 3 Điều 321 xử phạt bổ sung bị cáo M1 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Văn M2 từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng. Ngoài ra vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo L, M1 và M2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị cáo D do thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí.

Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành D: Vị hoàn toàn thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố đối với bị cáo D. Tuy nhiên, vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D với những lý do như sau: Hoàn cảnh gia đình của bị cáo gặp nhiều khó khăn hiện cha mẹ đã quá tuổi lao động chỉ có bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có hai người con còn nhỏ cần phải chăm sóc, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, thời gian tạm giam hơn 06 tháng cũng đã đủ giáo dục đối với bị cáo nên không cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Vì vậy, vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo, Trần Hoàng L, Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2, hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T vắng mặt do bỏ địa phương nơi cư trú. Tại phiên Tòa vị đại diện viện kiểm sát, các bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vì việc vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án theo Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Lời nhận tội của các bị cáo Trần Hoàng L, Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2 tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L quyết định truy tố bị cáo: Trần Văn L về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[4]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc

trái pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm, được quy định trong Bộ luật hình sự. Các bị cáo, Trần Hoàng L, Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2 là những người đã trưởng thành có đủ nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật; các bị cáo có sức khỏe để lao động tạo ra nguồn thu nhập phục cho bản thân và gia đình, nhưng không lo chí thú làm ăn, chỉ vì muốn thu lợi bất chính, vì thế luôn tìm mọi cách để che giấu hành vi phạm tội đối với các cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương và các cơ quan thực thi pháp luật, nhằm thực hiện hành vi đánh bạc. Cụ thể; Vào ngày 20/12/2020 tại khu đất do Nhà nước quản lý thuộc ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh bị cáo Trần Hoàng L tổ chức đá gà ăn thua bằng tiền, bị cáo L là người hên chận gà với nhau và làm trọng tài, cung cấp băng keo, cân, chọn địa điểm (sân) để thu tiền hoa hồng, trận gà chưa phân thắng thua do bị Công an xã B bắt quả tang, nên bị cáo L chưa thu tiền huê hồng. Bị cáo L tổ chức đánh bạc cho bị cáo Hồ Văn M1 và bị cáo Nguyễn Thành D tham gia đánh bạc (đá gà) với tổng số tiền cá cược 40.200.000 đồng. Đối với bị cáo Hồ Văn M2 có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo M1 như: hên chận gà với bị cáo L và dẫn bị cáo M1 đến sân để đá gà.

[5]. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Hoàng L là người đứng ra tổ chức hên chận gà với nhau và làm trọng tài, cung cấp băng keo, cân, chọn địa điểm (sân) để thu tiền hoa hồng, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 02/3/2021 bị Công an huyện V, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi tham gia đá gà thắng thua bằng tiền, đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái và không tiếp tục thực hiện. Điều này thể hiện ý thức của các bị cáo rất xem thường pháp luật. Đối với bị cáo Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 là những người tham gia đánh bạc trái phép trong vụ tổ chức đánh bạc do bị cáo L tổ chức với tổng số tiền cá cược là 40.200.000 đồng. Đối với bị cáo Hồ Văn M2 có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo M1 như: hên chận gà với bị cáo L và dẫn bị cáo M1 đến sân để đá gà và biết rõ việc đá gà ăn thua bằng tiền với số tiền đá số là 600.000 đồng và số tiền đá giao hữu là 5.000.000 đồng.

[6]. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc của các bị cáo gây bức xúc trong nhân dân, đã tạo ra dư luận, sự hoài nghi của nhân dân đối với chính quyền các cấp và cơ quan bảo vệ pháp luật về lĩnh vực an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội tổ chức đánh bạc và đánh bạc trái pháp luật ăn thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân của sự đói nghèo, dẫn đến nhiều loại tội phạm khác ngoài xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm. Từ việc tham gia đánh bạc

mà nhiều con bạc đã lâm vào cảnh nợ nần, kinh tế khó khăn, gia đình phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tan vỡ hạnh phúc và hơn thế nữa, đánh bạc là nguyên nhân tạo nên gánh nặng cho xã hội, và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nhằm góp phần đấu tranh, ngăn ngừa những tệ nạn xã hội, Hội đồng xét xử phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và tính chất của vụ án.

[7]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình của từng bị cáo có phần khó khăn, đơn chiếc. Bị cáo Trần Hoàng L có cha ruột ông Trần Phi A được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và có giấy chứng nhận thương binh hạng 4/4 đây là những căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng chưa có tiền án và tiền sự. Bị cáo Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2 có chú ruột Hồ Văn T là liệt sĩ, Hồ Văn M là thương binh hạng 3/4, bị cáo M1 có tác động người thân để nộp lại tiền đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thành D có cha là ông Nguyễn Văn T được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ bị bệnh, có con còn nhỏ là lao động chính trong gia đình, thuộc hộ cận nghèo và có tác động người thân để nộp lại tiền đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo D, M1 và M2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Do đó ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành D được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án. Tuy nhiên, bị cáo D là người trực tiếp tham gia và nâng số tiền cá cược trận gà lên đến 20.600.000 đồng, vì vậy mức hình phạt của bị cáo phải nghiêm.

[9]. Đối với Lê Văn T: Thừa nhận 20/12/2020, bị cáo L gọi điện thoại di động cho T kêu tìm con gà nặng 2,5 kg đá có tiền nhưng không nói cho Lê Văn T biết số tiền đá gà cụ thể là bao nhiêu, T gọi điện cho bị cáo D hỏi có gà đá không nhưng bị cáo D trả lời không có, T gọi điện thoại trả lời cho bị cáo L biết không tìm được người đá gà và không chỉ hay dẫn đường cho bị cáo D đến đá gà tại ấp T, xã B. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời trình bày, nên căn cứ vào các tài liệu thu thập không đủ cơ sở xử lý đối với Lê Văn T.

[10]. Đối với Lê Văn G: Mặc dù không được bị cáo L nhờ quét dọn sân nhưng khi nhìn thấy bị cáo L quét dọn chuẩn bị sân đá gà thì phụ quét dọn sân với

bị cáo L mục đích để xem đá gà chứ không thu được lợi ích. Hành vi của Lê Văn G không đủ căn cứ để xử lý.

[11]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bà Ngô Thị A đã sử dụng số tiền 20.600.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) của cá nhân để nộp thay cho bị cáo Nguyễn Thành D. Tại phiên tòa bà A không yêu cầu bị cáo D trả lại số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 (Một) cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa loại 05 kilogam; 01 (một) điện thoại di động Sam Sung, màu vàng, màn hình cảm ứng bị bể, số IMEI1: 359465/07/011922/9, số IMEI2: 359466/07/011922/7, điện thoại không gắn sim di động của bị cáo Trần Hoàng L; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung, loại bàn phím, số IMEI: 359831069417165 của bị cáo Hồ Văn M2; 40.200.000 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng) là những tài sản và tiền liên quan đến hành vi phạm tội, tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước.

- 15 (Mười lăm) cuộn băng keo (10 cuộn băng keo đã qua sử dụng); 04 (Bốn) giỏ xách đệm đã qua sử dụng; 04 (Bốn) cửa gà bằng kim loại; 01 (một) sim di động số 0398 xxxxxx, trên sim có các con số 8984048000021316593; 01 (một) sim di động số 0352 xxxxxx và 01 (một) sim điện thoại số 0989 xxxxxx đây là công cụ phương tiện phạm tội, tịch thu tiêu hủy.

- Những tài sản và tiền không liên quan đến hành vi phạm tội được giao trả như sau:

+ Giao trả cho Lê Văn T 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen, số sê ri 1: 356851974962314, số sê ri 2: 356851979962319 và một sim di động số 0939 xxxxxx, trên sim có các con số 8401161092457181.

+ Giao trả cho ông Võ Văn T 01 (Một) xe mô tô biển số: 64F2 - 0946, số máy: 5026447, số khung: 5026447.

+ Giao trả cho bị cáo Hồ Văn M2 01 (Một) xe mô tô biển số: 64F1-380.22, số máy: HC09E5075976, số khung: RLHH09005Y041802 và số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Giao trả cho ông Nguyễn Văn L 01 (một) xe mô tô biển số: 84K5 - 3472, số máy: HC12E0523452, số khung: RLHHC12288Y015065.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số: 84L1 - 168.55, số máy: 23B3018956, số khung: 3B309Y018960 do bị cáo Trần Hoàng L điều khiển để đến sân đá gà, bị cáo L khai mua của Huỳnh Văn T. Tuy nhiên, quá trình bắt đầu tiến hành tố tụng tại Cơ

quan điều tra công an huyện L thì Huỳnh Văn T đã bỏ đi khỏi địa phương, đến nay không rõ đi đâu, làm gì, nghĩ nên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Trà Vinh quản lý, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định (xe mô tô biển số: 84L1 - 168.55, số máy: 23B3018956, số khung: 3B309Y018960 hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L quản lý).

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Thành D thuộc diện hộ Cận nghèo, được miễn theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Trần Hoàng L phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; Các bị cáo Nguyễn Thành D, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Căn cứ Điều 268 và Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/3/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/3/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Hồ Văn M1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/3/2021.

- Căn cứ khoản 3 Điều 322 và khoản 3 Điều 321 xử phạt bổ sung bị cáo Trần Hoàng L 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); bị cáo Nguyễn Thành D 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và bị cáo Hồ Văn M1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn M2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án là ngày 30/9/2021.

Giao bị cáo Hồ Văn M2 cho Ủy ban Nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh là nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước gồm: 40.200.000 đồng (*Bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng*); 01 (Một) cân đồng hồ hiệu Nhon Hòa loại 05 kilogram; 01 (một) điện thoại di động Sam Sung, màu vàng, màn hình cảm ứng bị bể, số IMEI1: 359465/07/011922/9, số IMEI2: 359466/07/011922/7, điện thoại không gắn sim di động; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung, loại bàn phím, số IMEI: 359831069417165.

- Tịch thu tiêu hủy: 15 (Mười lăm) cuộn băng keo (10 cuộn băng keo đã qua sử dụng); 04 (Bốn) giỏ xách đệm đã qua sử dụng; 04 (Bốn) cựa gà bằng kim loại; 01 (một) sim di động số 0398771228, trên sim có các con số 8984048000021316593; 01 (một) sim di động số 0352782103 và 01 (một) sim điện thoại số 0989811041.

- Giao trả cho ông Lê Văn T 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen, số sê ri 1: 356851974962314, số sê ri 2: 356851979962319 và một sim di động số 0939 xxxxxx, trên sim có các con số 8401161092457181.

- Giao trả cho ông Võ Văn T 01 (Một) xe mô tô biển số: 64F2 - 0946, số máy: 5026447, số khung: 5026447.

- Giao trả cho bị cáo Hồ Văn M2 01 (Một) xe mô tô biển số: 64F1-380.22, số máy: HC09E5075976, số khung: RLHH09005Y041802 và số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Giao trả cho ông Nguyễn Văn L 01 (một) xe mô tô biển số: 84K5 - 3472, số máy: HC12E0523452, số khung: RLHHC12288Y015065.

- Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Trà Vinh quản lý 01 (một) xe mô tô biển số: 84L1 - 168.55, số máy: 23B3018956, số khung: 3B309Y018960 để xác minh làm rõ xử lý theo quy định (xe mô tô biển số: 84L1 -

168.55, số máy: 23B3018956, số khung: 3B309Y018960 hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc các bị cáo Trần Hoàng L, Hồ Văn M1 và Hồ Văn M2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thành D được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Thành